

NGŨ PHÁP BÀI 9

Trong chuỗi các chữ số từ 1 ~ 10, các bạn thường thích con số mấy nhất ạ. Chắc các bạn cũng thích số 5.6.8.9 đúng không ạ. Và trong các con số đó, người Nhật cũng thích số 5,8 và ngoài ra họ cũng rất thích số: 3, 7 nữa

日本人は5がすきです。

日本人は8が好きです。

日本人は3が好きです。

日本人は7が好きです。

Trong cuộc sống, ngoài chữ số, chúng ta còn có các niềm yêu thích khác về đọc sách, vẽ tranh, âm nhạc, ăn uống đúng không ạ... Và hôm nay chúng mình cùng nhau tìm hiểu cách nói này nhé!

では、第9課の文法を勉強しましょう。

CAN DO: Có thể nói thích ghét, giỏi-kém, hiểu biết và có thể nói lý do

N が A すきです/きらいです。

じょうずです/へたです。

N が V わかります。

あります。

? どうして。。。か。 → ~から。

1. N が ^す好き・^{きら}嫌いです。

Phần ở trên chúng ta đã có các câu nói:

日本人は5がすきです。

日本人は8が好きです。

日本人は3が好きです。

日本人は7が好きです。

↓

(Sは) N が 好きです。

Các chữ số này chỉ là danh từ, và ở bài số 9 này chúng mình chỉ luyện tập cách nói với N が好きです。

すき ở đây được viết bởi chữ 好 Hào – nghĩa là thích, tốt (thích nữ giới và em bé)

すき ở đây là 1 tính từ đuôi な

Thường chúng ta hay nói thích: ăn món gì, môn thể thao, ... gì.

Và chúng ta dùng cấu trúc: (Sは) N が 好きです。

Để nói về sở thích của mọi người trong gia đình mình nhé:

- 1.お父さん、お茶
→ お父さんはお茶が好きです。
- 2.お母さん、りょうり
→ お母さんはりょうりが好きです。
- 3.おねえさん、マンガ
→ おねえさんはマンガが好きです。
- 4.わたし、スポーツ
→ わたしはスポーツがとても好きです。

Vi 好き cũng là một tính từ đuôi な、nên chúng ta có thể thêm とても vào đằng trước để nhấn mạnh mức độ: rất thích Nがとても好きです。

Thế còn các bạn thích gì? 何が好きですか。

Vậy trường hợp khi chúng ta “ghét” cái gì đó chúng ta sẽ nói là:

(Sは) Nがきらいです。

すき ở đây được viết bởi chữ 嫌 Hiềm – nghĩa là có hiềm khích, ghét

きらい ở đây là 1 tính từ đuôi な

れい: わたしはタバコをすいません。

→ わたしはタバコがきらいです。

では、練習しましょう。Và chúng mình cùng nhau luyện tập nhé!

Với trẻ con thích, ghét rất rõ ràng và ngay trong việc ăn uống chúng cũng thể hiện cá tính này và chúng mình cùng nhau xem trong lớp học các bạn nhỏ ghét gì nha.

- ニンちゃんは魚がきらいです。
- ビーくんはやさいがきらいです。
- ハーちゃんはぎゅうにくがきらいです。

Vậy khi chúng ta muốn nói: thích/ ghét cái gì chúng ta có thể sử dụng cấu trúc:

(Sは) Nが すきです。/ きらいです。

N là danh từ, chỉ đối tượng mà chủ ngữ (S) thích/ ghét

Và lúc này, すき (な)、きらい (な) là các tính từ đuôi な、nên có thể chuyển sang phủ định, nghi vấn như các tính từ khác.

Có thể dùng すきです để tỏ tình, diễn đạt thích ai đó/cái gì đó ハーちゃんが好きです。

1.2. Phủ định:

- 1) スポーツ
サッカーがすきです。
やきゅうがすきじゃありません。
テニスあまり好きじゃありません。

2) たべもの

魚がきれいです。

やさいがきれじゃありません。

Tuy nhiên, có một lưu ý: trong hội thoại thông thường ng Nhật ít khi sử dụng cách nói trực tiếp “tôi ghét...” mà thay vào đó, họ hay nói “không thích” “(あまり) すきじゃありません”

きれじゃありません○ chú không phải きれくないです ×

Và chúng ta có thể thêm

1.3. Câu hỏi:

Câu hỏi Có – Không:

- 1) ハーさんは Son Tung が好きですか。
はい、好きです。
- 2) ハーさんはカラオケが好きですか。
いいえ、好きじゃありません。
- 3) アンさん、日本語が好きですか。
はい、とても好きです。
- 4) 田中さん、りょこうが好きですか。
いいえ、(あまり) 好きじゃありません。

Câu hỏi: どんな N が好き・きれいですか。

導入

皆さん、日本りょうりが好きですか。

はい、好きです。

→ すしが好きですか。さしみが好きですか。てんぷらが好きですか。うどんが好きですか。

→ **どんなりょうりが好きですか。**

すしが好きです。

Giống như ở bài số 8, chúng ta sử dụng **どんな N** để hỏi rằng: bạn thích N nào?

Và câu trả lời cho câu hỏi **どんな N** → sẽ luôn là: **N + が好きです。**

では、練習しましょう。Và chúng ta cùng nhau luyện tập nhé:

1. **どんなスポーツが好きですか。**
→ サッカーが好きです。
2. **どんな映画が好きですか。**
→ アメリカの映画が好きです。
3. **どんな音楽が好きですか。**
→ クラシックが好きです。

Luyện tập Renshu A1, B1

2. (Sは) Nが上手です。/下手です。S giỏi/kém N.

Chúng ta có cặp tính từ đối nghĩa tiếp theo đó là:

上手 (じょうず) ⇔ 下手 (へた)

Thượng Thủ ⇔ Hạ Thủ

Giỏi, hay ⇔ Kém, dở

上手、下手 thể hiện năng lực giỏi/kém; hay/dở và bạn có thể thay N thành các nội dung như: môn thể thao (サッカー、タニス、やきゅう。。。)

ngôn ngữ (日本語、英語、中国語。。。)

âm nhạc (歌、ピアノ、ギター...)

- Chú ý: không dùng: 勉強、môn học (数学、地理)、お酒、専門。。。
- Và cũng giống với 好き一きらい, thì người Nhật hay dùng 上手じゃありません để nói cho 下手です。 Và 上手、下手 là các tính từ đuôi な nên chúng ta có thể nói dưới dạng câu phủ định, nghi vấn.
- Tuy nhiên, không nên trực tiếp hỏi đối phương – người đối diện là: Nが上手ですか。 Mà chúng mình có thể nói là: 「Nがじょうずですね。」
- Hoặc: 勉強がよくできますね。 お酒がつよいですね。

Và chúng mình cùng nhau luyện tập qua một số ví dụ bên dưới nhé:

1) チェンさんはうたがじょうずです。 *Chiến hát hay.*

2) ギャさんはうたがへたです。 *Nghĩa hát dở.*

ảnh cho 3+4 <http://blog-imgs-54.fc2.com/s/k/r/skrykk/kmsrn3.jpg>

3) ズンさんはりょうりがじょうずです。 *Dung nấu ăn ngon*

4) チャンさんはりょうりがへたです。

Phủ định:

- 1) わたしは日本語がじょうずじゃありません。
Tôi nói tiếng Nhật kém
- 2) 兄はゲームがじょうずじょうずじゃありません。
Anh trai chơi game kém
- 3) 母は料理があまりじょうずじゃありません。
Mẹ nấu ăn ko giỏi

Nghi vấn:

- 1) A: イェンさんはテニスがじょうずですか。
B: はい、とてもじょうずです。
- 2) A: ソンさんはギターがじょうずですか。
B: いいえ、あまりじょうずじゃありません。

Luyện tập A2, B3

3. (Sは) Nがわかります。S hiểu biết về N.

導入:

A: トムさん、この漢字はなんですか。

B: この漢字がわかりますよ。不思議（ふしぎ）です。

ベトナム語では “không tương, không có thật” です。

→ この漢字がわかります。

(Sは) Nがわかります。

Chỉ sự **hiểu biết**, **hiểu** về vấn đề, **biết** ngôn ngữ nào đó...

N ở đây thường là: ngôn ngữ, vấn đề, câu hỏi...

わかります chú không phải をわかります ×

わかります có thể chuyển thành V quá khứ: わかりました、わかりません、わかりますか。

Và chúng mình cùng luyện tập nhé:

- 1) 日本語がわかります。
- 2) えいごがわかります。
- 3) このしつもんがわかりました。
- 4) A: どんな外国語がわかりますか。
B: ドイツ語がわかります。

Và ngoài ra, chúng ta có thể dùng với các phó từ, chỉ mức độ:

VD:

Mức độ		
よく	わかります	90%
だいたい	わかります	70%
すこし	わかります	30%
あまり	わかりません	20%
ぜんぜん	わかりません	0%
よく	わかりません	10%

- 1) A: 日本語がわかりますか。
B: はい、だいたいわかります。
- 2) A: この質問がわかりましたか。
B: はい、ぜんぜんわかりません。
- 2) A: 今日のじゅうぎょうがわかりましたか。
B: いいえ、あまりわかりませんでした。

Luyện tập A3, B4

4. Nがあります。

- 1) ジョブさんはお金があります。
- 2) あした、ようじがあります。

- 3) お父さんは時間がありません。
4) 今日、5時にかれしとやくそくがあります。
5) A:仕事がありますか。
B: はい、仕事があります。コスモスで仕事をします。

Có thể kết hợp dùng với たくさん あります

VD: イエンさんはたくさんお金があります。

あまり・ぜんぜん ありません

VD: チェンさんはあまりお金がありません。

チェンさんはぜんぜんお金がありません。

Luyện tập A4, B5

5. Mẫu A1 から、A2

導入：

Nói tiếp câu ví dụ bên trên: チェンさんはお金がありません。



今日は3月8日ですが、かのじよに花をあげません。

→ チェンさんはお金がありませんから、かのじよに花をあげません。

から có nghĩa là Vì dùng để nói 2 vế của 1 câu, biểu thị lý do của câu

～A から、B。 (Vì A nên B)

Chú ý: thứ tự: Nguyên Do から、Kết Quả. お金がありませんから、あげません。○

Còn trong tiếng Việt: Kết Quả, Nguyên Do. あげません。お金がありませんから。×

では、練習しましょう。Và chúng mình cùng nhau luyện tập nhé:

1. パンが好きですから、パンをよく買います。
2. 時間がありませんからテレビを見ません。

Luyện tập A5. B 6

* どうして Tại sao...?

導入：

A: ズンさん、お酒を飲みますか。

B: いいえ、飲みません。

A: ビールを飲みますか。

B: いいえ、飲みません。

A: きらいですか。お金がありませんか。。。。

→ どうしてですか。

B: きれいですから。(健康(けんこう)によくないですから。)

導入2:

A: ヒエンさん、どうしてあした、学校を休みますか。

B: ようじがありますから。

Từ để hỏi: vì sao, tại sao là: どうして。。。か?

Còn khi nội dung đã nói ở trên, và chỉ cần hỏi thêm: tại sao vậy? thì chúng ta dùng どうしてですか。

Câu trả lời sẽ luôn là:。。。から。

では、練習しましょう。

1.

A: どうして日本語をべんきょうしますか。

B: 日本がすきですから。

りゅうがくに行きますから。

日本で仕事したいですから。

2.

A: どうしてハノイへ来ましたか。

B: 仕事がありますから。

3.

A: 今日はやく帰ります。

B: どうしてですか。

A: 今日はかのじょのたんじょうびですから。

Luyện tập B7, C2, 3

TỔNG KẾT

1. NがAdj好き・きれいです。
2. NがAdj上手・下手です。
3. NがVわかります。
4. NがVあります。
5. ~から、~。どうして?

LUYỆN TẬP

1. チャンさんはうた [は / が / を] 上手です。
2. 英語 [を / に / と / が] わかります。

3. A: [どんな / どう / なん] おんがく が 好きですか。
 B: しずかな おんがく が 好きです。
4. 今朝 朝ごはんの [とき / 時間] が ありませんでした。
5. [車 できました / おさげが 好きです /] から おさげを 飲みません。
6. A: [どうして / だれと / なにが] たくさん べんきょう しましたか。
 B: あした テスト が ありますから。

NÂNG CAO:

- Trong văn nói dạng thể ngắn chỉ cần どうして? なんて? なぜ?
- Tổng hợp cách sử dụng của các Phó từ:

このパソコンは **とても** やすいです。

日本語が **よく** わかります。

このもんだいが **よく** わかりません。

お金が **すこし** あります。

お酒が **あまり** すきじゃありません。

テニスが **ぜんぜん** 上手じゃありません。

Chú ý:

よく + V. (trừ あります)

とても + Adj. (とても わかります. ×)

たくさん あります。

- Tổng hợp các từ để hỏi Nghi vấn Từ 疑問詞 (ぎもんし) ẢNH PPT 10

だれ・どなた	Tên (さん) です。	あの人はだれですか。	A さんです。
なんさい・おいくつ	Tuổi + さいです。	おいくつですか。	27 さいです。
なん	Vật + です。	これはなんですか。	ペンです。
だれの N	Người/tổ chức の N です。	これはだれのペンですか。	ハーさんのです。
どこ・どちら	Địa điểm です。	そこはどこですか。	ハノイ駅です。
いくら	Giá tiền です。	このペンはいくらですか。	5 マンドンです。
何時・何曜日・何番	~時・~曜日・~番です。	今は何時ですか。	7 時半です。
いつ	Thời gian	いつ日本に行きますか。	来月行きます。
なにを V か	N を V。	なにを食べますか。	パンを食べます。
なにで V か	N で V。	なにで食べますか。	おはしで食べます。
どう	Adj です。	このペンはどうですか。	とても安いです。

どんな N	Adj い・Adj な N で す。	かれはどんな人です か。	ハンサムな人です。
どうして	～から	どうして日本語をべ んきょうしますか。	日本語が好きです から。

COSMOS JAPANESE